

King Stephen

Người không bao giờ bắt tay ai

Hiếu Trang dịch từ bản tiếng Nga



Phần 1

Gió buốt giá thổi ngoài cửa sổ, đồng hồ điểm tám tiếng, chúng tôi vội vàng chuyển sang phòng thư viện, mang theo những ly rượu mà Stevens đã kịp rót thêm vào. Một lúc lâu chỉ có tiếng củi cháy nổ lách tách trong lò sưởi, tiếng va chạm của những hòn bi-a ở căn phòng xa xa nào đó và tiếng gió hú quấy rầy sự tĩnh lặng. Nhưng trong căn nhà câu lạc bộ số 249B này là không khí ấm áp. Tôi vẫn còn nhớ trong buổi tối hôm đó ngồi bên phải tôi là David Adley, còn bên trái là Amleen Mac Carron, người đã có lần dọa chúng tôi bằng câu chuyện kể về một người phụ nữ sinh ra trong những điều kiện không thể tưởng tượng được. Ngồi đối diện tôi là Johanson với tờ Wall Street Magazine đặt trên đầu gối.

Stevens bước vào trao cho George Gregson một gói giấy không đề tên người nhận. Stevens là một quản gia lý tưởng - bắt chước cái giọng thổ âm Brooklyn của anh ta (hay là chính nhờ cái giọng đó) -, ưu điểm nổi bật của anh là luôn đoán chính xác phải trao gói hàng cho ai dù không có tên đề trên đó. George cầm lấy gói giấy ngồi lặng đi vài phút trong chiếc ghế bành lưng cao có giá

tựa đầu, chăm chăm nhìn ngọn lửa cháy trong lò sưởi nơi mà nếu muốn ta có thể quay cả một con bò. Tôi nhìn thấy trong mắt ông lóe lên một tia gì đó, khi ánh mắt ông hướng vào câu châm ngôn khắc trên thành lò sưởi: Bí mật nằm trong chính câu chuyện chứ không phải ở người kể.

Ông xé gói giấy bằng những ngón tay run rẩy về già nua và ném những thứ trong đó vào đồng lửa. Một quãng lửa cầu vồng rực rỡ bùng lên làm cho vẻ mặt của những người trong phòng hơi sững động lại. Tôi quay về phía Stevens vẫn đứng khuất trong bóng tối của khung cửa. Tay chấp sau lưng, về mặt anh vô cảm.

Đột nhiên sự im lặng bị phá vỡ bởi cái giọng rin rít hơi the thé của George và tất cả chúng tôi rùng mình. Chỉ ít thì điều đó xảy ra với tôi.

- Có lần tôi đã chứng kiến một người bị giết trong bóng tối của căn phòng này, - George Gregson nói, - mặc dù không một tòa án nào tuyên án đúng kẻ giết người. Nhưng vụ việc đã kết thúc bằng việc hắn tự tuyên án mình và tự thi hành án. - Một quãng lặng trong khi ông mời tẩu thuốc.

Khuôn mặt đầy nếp nhăn của ông chìm trong làn khói thuốc xanh, ông dụi que diêm một cách chậm chạp như thường thấy ở người mắc bệnh phong thấp rồi ném nó vào lớp tro nóng còn lại của khối giấy vừa đốt và chậm chậm nhìn nó cháy thành tàn đỏ lụi dần. Cặp mắt màu xanh sắc sảo thể hiện sự đam chiêu ẩn dưới đôi lông mày rậm rạp đã loáng thoáng những sợi bạc. Chiếc mũi khoằm lớn, làn môi mỏng khắc khổ, đầu thụt vào giữa hai vai.

- Đừng đùa chúng tôi nữa George, - Peter Andrew kêu lên. - Kể đi nào.

- Tôi kể ngay đây. Hãy kiên nhẫn một chút.

Chúng tôi chờ trong khi ông ta thoải mái rít cho tẩu thuốc cháy hết. Sau khi cẩn thận đổ chỗ tàn thuốc còn cháy đỏ vào chiếc chén sâu làm bằng gốc cây dương. George đặt đôi tay run rẩy lên đầu gối và bắt đầu:

- Chuyện là thế này. Bây giờ tôi đã 85 tuổi, còn câu chuyện mà tôi định kể

cho các bạn đã xảy ra khi mới 20 tuổi gì đó. Nói chính xác là vào năm 1919, lúc đấy tôi vừa từ cuộc đại chiến trở về. Trước đó năm tháng, cô vợ chưa cưới của tôi vừa mất vì bệnh dịch. Cô ta lúc đó mới xấp xỉ 19 tuổi. Phải thú nhận rằng lúc đó tôi đã quá ham hố rượu chè và cờ bạc. Các bạn biết không, cô ta đã chờ tôi suốt hai năm, không một tuần nào tôi không nhận được thư của cô. Phải, tôi đã ham chơi và mất hẳn ý thức điều độ; có thể các bạn sẽ thông cảm cho tôi khi biết rằng hồi ấy tôi không còn một chỗ dựa nào trong gia đình và ở đức tin - các bạn biết đấy, ngoài chiến hào, mọi giáo lý Cơ đốc giáo đều có vẻ nực cười. Nhưng thực ra tôi có thể nói là những người bạn tốt đã cùng với tôi trong những ngày khó khăn ấy đã không bỏ rơi tôi. Tôi có tất cả 53 người bạn (mấy ai có thể khoe con số đó nhỉ?): Đó là 52 quân bài trong bộ bài và chai rượu Whisky “Cutty Sark”, hơn nữa, tôi lại ở trong khu nhà trên phố Brennan. Thật ra hồi đó mấy thứ này tương đối rẻ thôi. Và những tháng ngày tôi đã trải qua ở đó có lẽ cũng dài như trong câu lạc bộ 249B này, thời ấy lại rất dễ tụ tập một nhóm chơi bài poker.

Đúng lúc đó David Adley ngắt lời ông, dù trên môi anh ta nở một nụ cười nhưng câu hỏi vẫn đặt ra với vẻ nghiêm túc:

- Thế còn Stevens? Hồi đó anh ấy đã làm cho ông chưa, George?

Gregson quay về phía người quản gia.

- Stevens, lúc ấy anh giúp việc cho tôi hay là bố của anh nhỉ?

Câu đáp kèm theo một vẻ còn lâu mới được coi là nụ cười.

- Con nghĩ rằng sáu mươi năm trước người hầu ông có thể là ông của con, thưa ông.

- Dù sao anh có được chỗ làm này là nhờ thừa kế đấy nhỉ, - Adley nói một cách triết lý.

- Đúng như ông nghĩ đấy ạ, - Stevens lịch sự đáp lại.

- Đúng là giờ đây tôi đã nhớ ra, - George lại cất tiếng - vì anh biết không,

anh giống ông ấy, người mà anh nói là ông nội ấy, một cách kỳ lạ.

- Đúng như vậy, thưa ông.

- Nếu như anh đứng cạnh ông ấy, có lẽ tôi rất khó phân biệt ai với ai... và lại giờ cũng không thể thử được nữa, đúng không?

- Vâng, thưa ông.

- Thế đấy, tôi ngồi trong phòng chơi bài, sau cánh cửa kia kìa, và đang xếp bài thì nhìn thấy Henry Brower... lần đầu và cũng là lần cuối. Chúng tôi có bốn người, chuẩn bị ngồi chơi một ván poker. Chúng tôi đang chờ người thứ năm. Lúc đó Jason Davidson báo với tôi rằng George Oscaley, người bạn chơi bài thứ năm của chúng tôi bị tai nạn gãy chân, đang nằm bó bột treo chân trên một cái giá ngu ngốc. Hời ôi, tôi đã nghĩ chắc là hội bài của chúng tôi hôm nay hỏng rồi. Phía trước là một buổi tối dài dằng dặc và chẳng có gì xua nổi những ý nghĩ buồn bã, chỉ còn cách ngồi xếp bài và đầu độc bản thân bằng mấy cốc vại whisky mà thôi. Bất chợt từ một góc phòng phía xa vang lên một giọng trầm tĩnh lịch sự.

- Thưa quý vị, có lẽ các anh đang đợi một ván bài poker. Tôi rất vui lòng được vào hội với các vị, dĩ nhiên, nếu các vị không phản đối.

Cho đến lúc đó vị khách này vẫn ngồi vùi mặt vào tờ World, vì thế đến bây giờ tôi mới nhìn kỹ được anh ta. Tôi thấy một người trẻ tuổi với khuôn mặt già nua... các bạn hiểu tôi nói gì không? Sau cái chết của Rosaly trên mặt tôi cũng xuất hiện những vết đồi mồi đó, chỉ có điều ít hơn nhiều. Con người trẻ tuổi đó, suy theo mái tóc của anh ta, không quá hai tám tuổi, nhưng sự từng trải đã kịp in dấu vết trên mặt anh ta, trong cặp mắt tôi sẫm ảm chứa không phải là nỗi buồn mà là một nét tuyệt vọng gì đó. Anh ta có vẻ ngoài dễ ưa - bộ ria ngắn xén tia kỹ, mớ tóc màu nâu sẫm. Chiếc nút cổ áo trên cùng của bộ âu phục nâu đom đóm đáng không cài.

- Tôi là Henry Brower, - anh ta tự giới thiệu.

Davidson ngay lập tức lao về phía anh ta với bàn tay chìa sẵn, vì vui mừng, anh như sẵn sàng dùng sức chộp lấy bàn tay con người trẻ tuổi đang để yên trên đầu gối. Và ngay lúc đó một điều lạ lùng đã xảy ra: Brower buông rơi tờ báo, đột ngột giơ cả hai tay lên khiến chúng nằm ngoài tầm với. Trên mặt anh ta lộ vẻ hoảng sợ.

Davidson dừng lại ngơ ngàng, có vẻ ngượng ngùng hơn là giận dữ. Anh mới có hai mươi hai tuổi. Lạ chúa, lúc đó chúng tôi chỉ là lũ nhé con.

- Xin lỗi - Brower nói vẻ nghiêm túc, - tôi chưa bao giờ bắt tay ai!

Davidson chớp chớp hàng mi:

- Chưa bao giờ? Thật lạ. Nhưng vì sao thế?

Các bạn đã biết anh đúng là một chú nhé non. Brower cố giải thích cho anh một cách cặn kẽ, với một nụ cười cởi mở (dù trông rất đau khổ):

- Tôi vừa từ Bombay trở về. Một chốn kỳ lạ... chật chội, bẩn thỉu... dịch bệnh. Lũ kèn kèn đầu ồn ào trên các bức tường của thành phố. Tôi ở đó hai năm trong một cơ quan thương vụ, và cái tập tục trao đổi bắt tay nhau của phương Tây chúng ta bỗng nhiên gọi cho tôi một nỗi sợ hãi thiêng liêng. Bản thân tôi hiểu rõ là tôi cư xử như thế thật ngu ngốc và bất lịch sự nhưng không sao ép mình được. Vậy mong các anh hãy bỏ quá cho tôi mà không bực bội trong lòng...

- Chỉ với một điều kiện, - Davidson mỉm cười.

- Điều kiện thế nào?

- Mời anh ngồi vào bàn và nhấp một ly whisky của anh bạn George của tôi, trong khi tôi đi gọi các anh Baker, French và Jake Wailden.

Brower trịnh trọng gật đầu và bỏ tờ báo sang bên. Davidson quay ngoắt người chạy đi gọi các bạn chơi khác. Tôi cùng với Brower ngồi vào chiếc bàn phủ dạ xanh, tôi mời anh ta một ly nhưng anh ta lịch sự từ chối và tự mình gọi một chai. Qua đó tôi lại thấy một bằng chứng về nỗi sợ hãi lạ lùng

của anh ta, nhưng tôi lặng thinh. Tôi từng biết nhiều người khiếp sợ trước vi trùng và dịch bệnh cũng tương tự như Brower, nếu không nói là còn hơn thế. Có lẽ các bạn cũng đã thấy những trường hợp tương tự.

Chúng tôi gật đầu xác nhận, còn George tiếp tục:

- Ở đây thật dễ chịu, - Brower trầm ngâm nói, - kể từ khi tôi thôi làm việc ở Ấn Độ, tôi tránh những chỗ đông người. Cô độc một mình thật chẳng dễ chịu gì. Tôi nghĩ rằng ngay cả đối với những người tự chủ kiên cường nhất, sự tự tách biệt cũng là một trong những cực hình tồi tệ nhất!

Anh ta nói điều đó với vẻ nhấn mạnh đặc biệt, tôi lặng thinh đồng ý. Tôi đã cảm thấy rất rõ sự cô đơn đặc biệt trong chiến hào vào ban đêm. Nỗi cô đơn đó nặng nề hơn sau cái chết của Rozali. Tôi bắt đầu cảm thấy có cảm tình với Brower, không ngại đến thái độ tự kỷ quá lộ liễu của anh ta.

- Bombay chắc là một thành phố thú vị, - tôi nhận xét.

- Thú vị... và kinh tởm, theo quan điểm của tôi, nhiều điều trong cuộc sống của thành phố không thể chấp nhận được. Ví dụ phản ứng của họ đối với xe ô tô; lũ trẻ dạt ra tránh xe, sau đó lại chạy theo xe suốt mấy dãy phố. Máy bay trong mắt người dân bản địa là một con quái vật siêu nhiên. Điều mà chúng ta tiếp nhận một cách hoàn toàn thân nhiên và vui vẻ tự hào thì đối với họ là phép màu; nhưng nói thật với anh, tôi cũng sợ như thế khi lần đầu tiên nhìn thấy một tay xiếc rong nuốt cả một nắm kim thép rồi lôi hết chiếc nọ đến chiếc kia ra qua những các nhọt há miệng ở đầu ngón tay. Đối với dân ở đây việc này là bình thường.

- Anh thấy đấy, - anh ta tiếp tục với vẻ hơi trang trọng, - có thể hai nền văn hóa này lẽ ra không được hòa trộn với nhau mà phải tồn tại biệt lập, mỗi nền với những nét kỳ diệu riêng của mình. Anh với tôi cứ thử nuốt gói kim ấy xem, chắc chắn chúng ta không tránh khỏi cái chết chậm rãi và đau đớn. Còn về ô tô... - anh ta đột ngột im bặt với vẻ mặt bất cần.

Tôi định nói gì đó, nhưng ngay lúc đó Stevens-ông-nội xuất hiện với một chai Whisky Scotland cho Brower, sau đó là Davidson và những người còn lại.

Trước khi giới thiệu những người bạn của mình, Davidson nói với Brower:

- Henry, tôi đã nói trước với họ về cái thói quen nho nhỏ ngồ ngồ của anh, vì thế anh không cần lo lắng điều gì. Cho phép tôi giới thiệu: Darrel Baker...

Người đàn ông rậm râu nghiêm khắc này là Andrew French...và cuối cùng Jake Wailden. George Gregson thì ông biết rồi.

Brower với nụ cười trịnh trọng cúi đầu chào từng người như muốn thay cho cái bắt tay. Ngay sau đó ba cọc bài được bày ra, tiền được đổi thành các thẻ và cuộc chơi bắt đầu.

Chúng tôi chơi suốt sáu tiếng. Tôi được gần hai trăm đô la, Baker chơi tương đối yếu: thua mất khoảng tám trăm đô nhưng không hề máy mắt (bố anh ta là chủ của ba xưởng giấy lớn nhất bang New England). French và Wailden chia nhau mỗi người khoảng một nửa sáu trăm đô còn lại. Davidson thắng được một ít còn Brower cũng thua từng ấy, nhưng đối với anh ta còn được chừng ấy có thể coi là chiến công: suốt buổi tối bài của anh ta rất xấu. Anh ta lúc nào cũng cảm thấy thoải mái, khi chơi lối bài truyền thống với năm quân bài trên tay, cũng như trong lối chơi mới với bảy quân bài, và theo tôi, anh ta đã mấy lần vơ cả đồng tiền đặt bằng cách tổ không mà điều này tôi chắc chắn là không dám làm.

Tôi để ý anh ta uống khá khỏe: tới lượt chia bài cuối cùng anh ta đã một mình uống hết cả chai whisky nhưng không hề lú lỏi mà vẫn chơi rất chính xác, hơn nữa lại luôn cảnh giác nếu ngón tay ai đó thành linh xuất hiện ở vùng gần một cách nguy hiểm so với tay anh ta. Trong trường hợp thắng, anh ta không vơ lấy đồng tiền đặt chừng nào cái thẻ cuối cùng chưa được đổi ra tiền mặt, hoặc nếu có ai đó vì đăng trí không đặt cọc đúng lúc. Một lần

Davidson đặt chiếc cốc của mình sát cùi tay anh ta, thế là Brower né tránh vội đến nỗi suýt nữa đánh đổ cốc rượu của mình. Baker nhướn mày ngạc nhiên nhưng Davidson đã giải tỏa sự nghi ngờ.

Trước ván bài, Jake Wailden tuyên bố là anh sắp phải đi một đoạn đường không ngắn đến Albany và tốt nhất là nên hạn chế đánh một vòng cuối cùng. Vòng đánh kết thúc ở French, anh này tuyên bố sẽ chia cho mỗi người bảy quân.

Tôi nhớ lần chia bài cuối cùng đó một cách hết sức rõ ràng như tên của mình vậy, chứ nếu ai hỏi tôi là hôm qua tôi ăn trưa với ai và có những món gì, tôi có lẽ chịu không trả lời được. Nghịch lý của tuổi già là thế đấy. Nói chung nếu như các bạn có mặt ở chỗ tôi lúc ấy các bạn cũng sẽ không quên được. Tôi được chia hai quân cơ bài sắp và một con cơ nữa bài ngửa; về bài của Wailden và French tôi không biết gì, Davidson có con át cơ còn Brower là con mười bích. Davidson tố 2 đôla, 5 đô là giới hạn một lần tố, tất cả còn được nhận một quân bài ngửa nữa. Tôi có thêm một quân cơ thứ tư thêm vào ba con có trước, Brower thì có con bồi bích kèm với con mười. Davidson được một con ba và mặc dù khó mà có thể làm cho bài mình tốt hơn, anh vẫn tố thêm 3 đôla. “Ván cuối cùng, - anh vui vẻ nói. - Đừng hà tiện, các cậu bé! Ngày mai tớ còn phải mời cơm một quý bà”.

Nếu có ai dự đoán cho tôi rằng câu nói đó sẽ đeo đuổi tôi suốt đời tôi cũng chẳng tin.

Lần thứ ba French chia cho mỗi người một quân bài ngửa nữa. Bài chia cho tôi vẫn không đổi màu, còn Baker, người xui nhất trong hội, được một cặp, hình như là quân vua. Brower nhận được quân hai rô, lá bài này chẳng giúp anh ta điều gì. Baker dựa vào bộ đôi của mình tố thêm 5 đôla, mức tối đa, Davidson không nghĩ ngợi lâu la tố thêm 5 nữa. Những người còn lại cũng theo, và French chia lần cuối cùng quân bài ngửa. Tôi được thêm một quân

K nhép và có được một bộ cùng hoa. Baker được thêm một quân vua thứ ba cho bộ đôi của mình. Davidson được con át thứ hai, mắt anh ta rực sáng. Brower được một con đầm nhép và vì thế anh ta không úp bài ngay. Chúa ơi, tôi không thể nào hiểu được: hình như lại một lần nữa trong buổi tối hôm nay bài anh ta không có một bộ nào.

Tiền đặt tăng vọt. Baker đặt 5 đôla, Davidson thêm 5 đô nữa, Brower nộp ra 10. Jake Wailden úp bài và nói thêm: “Hừ, với bộ đôi của tôi, bài tôi chẳng ra gì rồi”. Tôi đặt 10 và tổ thêm 5 nữa. Baker cũng buộc phải nộp ra từng ấy. Tôi không muốn làm cái bạn mệt thêm về các chi tiết chán ngắt như thế nữa. Tôi chỉ lưu ý rằng mỗi người trong ván bài có thể tổ ba lần ở mức trần và ba chúng tôi - Baker, Davidson và tôi - đã tận dụng cái quyền đó. Brower, người mà lần nào khi nộp tiền theo cũng chờ một lúc cho đến khi tất cả đã rút tay khỏi đồng tiền - lúc đó không còn ít nữa - đã lên tới hơn 200 đô.

Chính lúc đó French chia nốt quân bài cuối cùng, quân bài sắp.

Im lặng, tất cả đều ngó bài của mình mặc dù riêng tôi thì không cần ngó làm gì, bài tôi đã có một bộ mà suy đoán theo tình hình bài chia thì là mạnh.

Baker tổ thêm 5, Davidson tổ thêm, và tất cả chúng tôi nhìn Brower. Anh ta đã tháo cravat từ lâu, bật cái cúc cổ thứ hai, chai whisky uống hết làm máu dồn lên gò má nhưng anh ta vẫn tỏ vẻ bình thản như trước. “10.... và 5 nữa đây ”, anh ta nói.

Tôi chớp mắt ngạc nhiên: tôi đã nghĩ rằng anh ta sẽ bỏ không theo. Còn với bài của mình, tất nhiên chắc chắn tôi sẽ thắng vì vậy tôi tổ thêm 5 đôla nữa. Chúng tôi tổ chẳng cần giới hạn nữa và đồng thẻ lớn vọt lên như nắm gắp mưa. Tôi dừng lại đầu tiên, hài lòng vì chắc chắn mình sẽ lột sạch một tay nào đó. Theo gương tôi là Baker, người đang nhìn một cách nghi ngờ sang phía Davidson với bộ đôi con át, lúc thì sang phía Brower với vẻ mặt khó dò. Như đã nói, Baker là một tay chơi non nhưng anh ta cũng đủ kinh

nghiệm để đánh hơi thấy mối nguy hiểm treo lơ lửng. Davidson và Brower lần lượt nâng số tiền đặt thêm 10 nữa, mà có thể là hơn. Tôi với Baker buộc phải theo - tiền đặt đã quá nhiều rồi, thẻ bài của tất cả mọi người đã dùng hết và phía trên đồng thẻ nhựa tròn đã mọc lên một núi tiền giấy.

- Thôi được, - Davidson nói, sau khi Brower đến lượt mình đã làm nâng cao đồng tiền đặt lên, - có lẽ tôi lật bài đây. Nếu là tổ không, Henry ạ, thì có lợi cho anh đấy. Và tôi sẽ phải kiểm tra anh, mà Jake còn phải đi một quãng đường dài... - nói xong những lời ấy, Davidson ném ra năm đô la và nhắc lại.
- Chúng ta mở bài nào.

Tôi không biết những người khác thế nào nhưng tôi cảm thấy nhẹ người khi thấy rất may là mình không có quan hệ gì tới số tiền đặt đó. Ván bài đã đến mức sống chết và nếu như thu nhập của Baker có thể cho phép anh ta thua thì đối với Davidson đó là vấn đề sống còn. Anh sẽ không thể thoát khỏi nợ nần vì chỉ có nguồn thu nhập là một khoản thừa kế còm cõi do bà cô để lại. Còn Brower - liệu anh ta có đủ lực để chịu nổi ván thua này không? Quý vị ạ, đừng quên rằng tiền đặt đã lên hơn một ngàn đôla.

George ngừng lại. Tẩu thuốc của ông đã tắt.

- Sau thế nào? - Adley nhô cả người về phía trước - Đừng bắt chúng tôi đợi nữa George. Ông thấy đấy, chúng tôi sốt cả ruột lên đây này. Hãy cho chúng tôi giật mình trước cái kết cục bất ngờ đi hoặc làm yên lòng chúng tôi.

- Gắng thêm tí nữa, ông bạn, - George bình thản trả lời. Ông quẹt que diêm vào đế giày và bắt đầu rút tẩu thuốc. Chúng tôi im lặng chờ đợi căng thẳng. Ngoài cửa bầu trời đêm vẫn rú rít.

Và câu chuyện lại theo dòng, tẩu thuốc bốc khói và George lại tiếp tục: - Các bạn biết rồi đấy, luật chơi bài poker quy định người nào đề nghị lật bài thì người đó lật bài mình đầu tiên. Nhưng Baker không thể chịu đựng sự căng thẳng lâu hơn nữa, anh ta lật một quân trong đám lá bài sắp mặt của mình và

tất cả đều nhìn thấy đó là một bộ vua (bộ K).

- Bài tôi kém hơn, - tôi nói.- Thua về hoa.

- Tiền cọc của tôi rồi, - Davidson nói với Baker và lật hai quân bài. Anh ta có một bộ át. - Bài được đẩy chứ các ngài. - Và anh bắt đầu cào đồng tiền.

- Đợi đã! - Brower ngăn anh ta lại. Anh ta không nắm lấy tay Davidson như mỗi người trong số chúng sẽ làm trong trường hợp đó, nhưng riêng một câu đó cũng đã đủ. Davidson chết lặng, quai hàm trễ xuống - dường như những cơ mặt của anh ta đột nhiên bị liệt. Còn Brower lật tất cả ba quân bài và để lộ ra một bộ đồng hoa từ con tám đến con đầm. - Tôi nghĩ rằng bộ này sẽ đè bốn con át của anh.

Mặt Davidson bừng đỏ sau đó lại tái nhợt.

- Phải, - anh nói ra những lời đó một cách thiếu tự tin, dường như thứ tự sắp xếp bộ bài đó anh mới thấy lần đầu tiên. - Phải, nó đè được.

Tôi sẵn sàng chịu mất tất cả để hiểu được vì sao mà Davidson lại có một cử chỉ tiếp theo như thế. Anh biết rất rõ rằng Brower không thể chịu được khi người khác chạm vào tay anh ta ; điều này đã được chứng tỏ rất nhiều lần trong buổi tối hôm đó. Có thể Davidson đã lú lẫn hoặc là anh ta rất muốn tỏ ra cho Brower thấy (và cả chúng tôi nữa) rằng thua số tiền như vậy anh vẫn còn đủ lực và anh có thể chịu đựng cú đòn chết người này như một quý ông chân chính. Tôi đã kể cho các bạn biết Davidson là một con ghé non và vì thế hành động ấy hoàn toàn phù hợp với tính cách của anh. Nhưng chúng ta cũng không quên: nếu chọc giận ghé non nó có thể húc. Tất nhiên không chết người, không xổ ruột, nhưng có thể trả giá bằng một hai vết sẹo. Hành động đấy là nằm trong tính cách của Davidson.

Phải, tôi sẵn sàng mất tất cả để biết nguyên nhân... nhưng cuối cùng điều chính yếu là kết cục.

Khi Davidson rút tay khỏi đồng tiền cọc, Brower chìa tay ra để lấy tiền. Trên

mặt Davidson đột nhiên bộc lộ một vẻ thân tình tươi vui, anh chớp lấy tay Brower xiết chặt nó và nói: “Chơi tuyệt lắm, thật là tuyệt. Henry này, lần đầu tiên tớ thấy...”. Một tiếng rú chói lói nghe như giọng phụ nữ vang lên, nó thật xé ruột xé gan trong cảnh tĩnh lặng của cuộc chơi bài. Brower giật tay về, loạng choạng bước sang bên, suýt xô đổ chiếc bàn, những chiếc thẻ bài và tiền mặt bay văng tứ tung.

Tất cả chúng tôi đứng đờ người như hóa đá. Brower loạng choạng bước thêm vài bước, tay giơ về phía trước tựa như phu nhân Macbeth trong lốt đàn ông. Mặt anh ta trắng bệch như vôi, một nỗi sợ hãi không diễn đạt nổi trong ánh mắt. Một cảm giác khủng khiếp bao trùm lấy tôi: trước đó và ngay cả sau này tôi chưa bao giờ trải qua một nỗi sợ như vậy, thậm chí ngay cả khi nhận được bức điện về cái chết của Rosaly. Anh ta bắt đầu rên rỉ. Tiếng rên như phát xuất từ một vực sâu không đáy, âm âm như không phải tiếng người, làm lạnh buốt xương sống. Còn nhớ lúc đó tôi đã nghĩ: “Thằng cha này điên thật rồi!”. Và ngay lúc đó anh ta thốt ra một tràng những từ rời rắm gì đó: “Chìa khóa, tôi vẫn bật chìa khóa điện... Chúa ơi! Tôi đâu muốn thế!” và anh ta lao ra chỗ cầu thang dẫn xuống sảnh chính. Tôi là người đầu tiên tỉnh lại, nhảy phắt khỏi ghế bành và lao theo anh ta, còn Baker, Wailden và Davidson vẫn không nhúc nhích, họ trông giống như những bức tượng thần của người Inca tạc bằng đá để canh giữ kho báu của bộ lạc. Tám cánh cửa lớn của sảnh vẫn còn đu đưa trên bản lề, tôi chạy ra phố và lập tức nhìn thấy Brower đang đứng bên lề đường cố gắng một cách tuyệt vọng để bắt taxi. Nhìn thấy tôi anh ta à lên một cách cay đắng và tôi không biết là mình thương hại anh ta hay là ngạc nhiên nữa.

- Xin đợi một chút! - tôi kêu lên, - hãy cho tôi xin lỗi thay cho Davidson, mặc dù tôi tin rằng anh ấy không cố ý làm như thế, nhưng nếu vì thế buộc anh rời bỏ chúng tôi thì tôi không dám giữ anh lại. Nhưng trước mắt anh cần

phải lấy chỗ tiền được bạc của mình, tiền không ít đâu.

- Tôi lẽ ra không nên đến đây, - anh ta rên rỉ. - Đôi chân tự nó đưa tôi đến chỗ mọi người, và thế là... thế là xảy ra....

Tôi bắt giắc chìa tay về phía anh ta - cử chỉ tự nhiên của một người đang muốn giúp đỡ một kẻ bất hạnh. Brower nhảy tránh xa và hét lên:

- Đừng động tới tôi! Một người chưa đủ với anh sao? Chúa ơi, lẽ ra tôi nên chết đi mới phải! - Đột nhiên ánh mắt hùng hục của anh ta dừng lại trên một con chó hoang có cái bụng giờ xương trể xuống và đám lông xơ xác rụng nhăm nhở. Lưỡi thè lè, bằng ba chân nó lê sang phía bên kia con phố vắng tanh không bóng người vào cái giờ rạng sáng này. Có lẽ nó đang xục xạo một cái thùng rác, muốn lật đổ xuống và rúc mõm đào bới đồng rác.

- Đây, tôi cũng giống như nó vậy, - Brower nói, vẻ trầm ngâm như với chính mình. - Bị mọi người xa lánh, chịu số phận cô đơn, chỉ dám đi ra phố khi mà tất cả những người khác đã êm ấm trong căn nhà của họ. Thật khôn khổ!

- Hãy nghe tôi này, - tôi nói một giọng cương quyết hơn, tỏ ý không muốn nghe thêm những lời thổ lộ tâm sự bi đát ướt át nữa. - Tôi chắc là anh đã trải qua một biến cố mạnh và nó đã làm suy nhược hệ thần kinh của anh; nhưng hãy tin rằng trong chiến tranh tôi cùng đã nhìn thấy vô số những điều như vậy...

- Nghĩa là anh không tin tôi? Anh cho là tôi đã mất trí...?

- Anh bạn, tôi không biết là anh đã mất lý trí hay nó đã rời bỏ anh, nhưng tôi biết chắc là nếu tôi với anh còn đứng đây mà hít thở cái không khí ẩm ướt này thì chắc chắn chúng ta sẽ mất giọng đấy. Vì thế xin làm ơn vào trong nhà đi, dù chỉ là vào sảnh và tôi sẽ gọi Stevens....

Tôi chợt cảm bất trước cái nhìn của một kẻ mất trí, trong ánh mắt đó không còn một ánh tinh táo nào. Tôi chợt nhớ lại những người lính đã phát điên sau những trận đánh đã rút cạn hết sức lực họ và được những chiếc xe ngựa chở

từ tiền tuyến về: họ chỉ còn da bọc xương, những cặp mắt hoảng hốt thất thần, mồm lảm nhảm những câu vô nghĩa.

- Liệu ông có muốn xem một con chó ghẻ bị vút ra lề đường đáp lại tiếng gọi của một con khác không? - anh ta hỏi, lơ đi câu đề nghị của tôi. - Xem này, tôi đã học được gì ở các bến cảng xa lạ nơi xứ người! - anh ta cao giọng và kêu lên như ra lệnh: - Này, lại đây, đồ chó hoang!

Con chó ngẩng đầu và nhìn anh ta bằng đôi mắt nhỏ đảo nhanh cảnh giác (một con mắt ánh lên một nét dữ tợn, con mắt kia phủ đầy ghen), rồi miễn cưỡng đổi hướng đi, khập khểnh bước lại chỗ Brower đang đứng. Con chó làm việc đó không theo ý của nó, điều này không còn phải nghi ngờ gì nữa. Nó gầm gừ, hực hực, đuôi quặp xuống trông giống như một đồng giẻ bản thiêu, còn bốn chân tự đưa nó sang phía bên kia đường. Nó nằm dài ngay dưới chân Brower, toàn thân run rẩy và rít lên khe khẽ. Cái bụng ổng phập phồng, con mắt lạnh có vẻ như chực nhảy ra khỏi tròng. Brower phá lên cười man rợ, tiếng cười đó cho đến bây giờ vẫn làm tôi rùng mình trong giấc ngủ.

- Thế nào? Anh đã tin chưa? - anh ta hỏi rồi ngòi xồm xuống. - Nó đã nhận ra tôi là người của mình... và hiểu điều gì đang đe dọa nó.

Brower chìa tay ra - con chó nhe nanh, sủa vang đe dọa.

- Thôi đi! - tôi kêu lên. - Nó đớp anh bây giờ!

Brower thậm chí không thém nhúu mày. Dưới ánh đèn đường, khuôn mặt anh ta với những nét méo mó trở nên xám xanh; đôi con ngươi tối sẫm như hai đốm tàn than trên miếng da cũ.

- Còn nữa, - anh ta ngâm nga. - Ngó ngán làm sao. Tôi với anh bạn này sẽ trao đổi cái bắt tay ngay bây giờ đây... giống như đã làm với bạn ông mới đây.

Anh ta nhanh nhẹn tóm lấy một cẳng của con chó và lắc lắc. Con chó tru lên tuyệt vọng nhưng thậm chí không có cử động muốn cắn anh ta. Brower đứng

phất dậy. Ánh mắt của anh ta đã trong hơn, chỉ còn vẻ nhợt nhạt kỳ lạ trong giây phút này là làm anh ta khác với vẻ của một quý ông lịch sự đồng ý làm bạn chơi với chúng tôi trong ván bài.

- Tôi phải đi rồi, - anh ta điềm tĩnh nói, -xin hãy chuyển lời xin lỗi của tôi vì cử chỉ thô lỗ vừa rồi tới các bạn của anh, có thể tôi sẽ còn có dịp... chuộc lại lỗi của mình.

- Chúng tôi phải nói lời xin lỗi mới đúng, - tôi nói. - Đừng quên món tiền anh đã được bạc. Một nghìn đôla không phải là thứ vương vãi trên đường.

- À phải! Tiền mà! - Đôi môi anh ta méo xệch thành một nụ cười đau khổ.

- Anh không phải quay vào sảnh đâu. Nếu như anh hứa đợi tôi ở đây, tôi sẽ mang tiền cho anh. Anh hứa chứ?

- Vâng, nếu như ông thấy tiện, - anh ta trầm ngâm nhìn con chó đang gù gù dưới chân mình. - Thế nào chú mày, chú mày không được mời nhưng chú mày có muốn một lần trong đời được ăn một bữa ra trò không? - Lại cái nụ cười đau khổ ấy.

Tôi để anh ta ở đó trong khi anh ta chưa kịp thay đổi quyết định, và vội vã vào nhà. Ai đó - có lẽ là Jaker Wailden, người tinh táo nhất - đã kịp đổi các thẻ bài ra các tờ “xanh” và xếp các tập tiền thành một cọc ở giữa bàn chơi bài. Không ai thốt lên một tiếng nào khi tôi vợ lấy tiền. Baker và Wailden hút thuốc, còn Davidson ngồi ủ rũ như một chú gà bị nhúng nước đang tự giầy vò mình với nỗi đau ân hận. Trước khi ra cửa tôi đặt tay lên vai anh và anh tiễn tôi bằng ánh mắt biết ơn. Khi tôi ra đến phố, ngoài đó không một bóng người. Brower đã biến mất. Tôi đứng, mỗi tay nắm chặt một tập tiền, xoay đầu nhìn các hướng một cách vô vọng. Tôi gọi tên anh ta với hy vọng anh ta đang nấp trong bóng tối đâu đấy gần đó, nhưng không có tiếng đáp lại. Ánh mắt tôi nhìn xuống phía dưới. Con chó hoang vẫn nằm ở chỗ cũ, nhưng ngay lập tức tôi hiểu rằng nó sẽ không bao giờ còn bới mõm trong

đồng rác được nữa. Trước mắt tôi chỉ là cái xác chó. Lũ rận và bọ chết đang tuần tự rời bỏ cái xác đang cứng dần. Tôi lùi lại với một cảm giác ghê tởm... và cảm thấy một nỗi hoảng sợ mơ hồ. Cái gì đó mách bảo tôi: Henry Brower không biến khỏi cuộc đời tôi. Và điều đó đã diễn ra mặc dù số phận không cho tôi gặp lại anh ta.

Hiếu Trang dịch từ bản tiếng Nga

King, Stephen

Người không bao giờ bắt tay ai

Hiếu Trang dịch từ bản tiếng Nga

Phần 2

Trong lò sưởi chỉ còn lại là những lưỡi lửa nhỏ, hơi lạnh từ các góc phòng lan tới, nhưng không ai nhúc nhích trong khi George lại đốt một tẩu thuốc. Ông thở dài, đổi chiều gác chân làm cho các khớp xương kêu răng rắc và tiếp tục câu chuyện:

- Cũng cần nói thêm rằng tất cả mọi người chơi trong ván bài tối hôm đó đều nhất trí phải tìm cho được Brower và trả cho anh ta món tiền được bạc. Có thể ai đó cho chúng tôi là chập mạch, nhưng các bạn đừng quên rằng tuổi trẻ của chúng tôi đã trôi qua trong một thời nghiêm túc hơn bây giờ. Davidson hoàn toàn suy sụp. Tôi đã thử kéo anh ta ra một chỗ và tìm cách động viên nhưng vô ích. Anh chỉ lắc đầu và thất thểu đi về nhà. Tôi cũng không giữ

anh lại. Cứ để anh ta ngủ một giấc, tôi nghĩ, và mọi chuyện sẽ không còn mang màu sắc u ám như bây giờ nữa, và khi đó hai người chúng tôi đi tìm Brower. Hai người thôi, bởi Wailden sẽ rời thành phố, còn Baker sẽ phải thực hiện “những chuyến thăm viếng xã giao”. Mình phải giúp Davidson lấy lại niềm tự tôn của bản thân. Với ý nghĩ đó tôi đến căn hộ của anh vào sáng ngày hôm sau. Anh vẫn đang ngủ. Tất nhiên có thể đánh thức, nhưng vào cái tuổi đó người ta ngủ rất say, và lúc đó tôi quyết định làm rõ một vài sự kiện.

- Trước tiên tôi nói chuyện với Stevens... - George nhướn mày về dò hỏi khi nhìn người quản gia của mình.

- Đây là ông nội của tôi, thưa ông, - anh này nhắc.

- Cảm ơn.

- Con luôn sẵn sàng phục vụ ông, thưa ông.

- Lúc đó tôi nói chuyện với Stevens-ông nội. Cũng ngay ở chỗ này đây. Và tôi được biết có một tay Raimond Griar nào đó, một người mà tôi cũng hơi biết, đang quản lý công việc cho Brower. Griar làm việc trong sở thương mại của thành phố vì thế tôi vội vã tới văn phòng của ông ta đặt trong tòa cao ốc Flatiron. Ông ta có mặt ở văn phòng và chúng tôi ngay lập tức tìm được tiếng nói chung. Khi tôi kể cho ông ta chuyện xảy ra tối hôm qua, một bên mặt ông ta hiện lên một loạt những xúc cảm phức tạp: nét thương hại, vẻ lo lắng, nỗi hoảng sợ.

- Henry, kẻ đáng thương! - ông ta thốt lên. – Tôi đã biết sự việc sẽ kết thúc như thế mà, nhưng không ngờ nó lại xảy ra nhanh thế.

- Ông nói gì thế? - tôi hỏi.

- Về cơn sốc thần kinh của anh ta, - Griar giải thích. - Chuyện đó xảy ra hồi anh ta ở Bombay, và có lẽ, không có ai ngoài Henry biết được hết các chi tiết. Tôi sẽ kể cho ông những gì tôi biết.

Những gì tôi được nghe Griar kể lại đã làm cho tôi nghĩ về Henry Brower

với một sự cảm thông và cảm tình sâu sắc. Người thanh niên trẻ tuổi ấy chắc hẳn đã trải qua một thảm kịch thực sự. Giống như trong các vở kịch cổ điển, điều bất hạnh ở đây đã xảy ra như là hậu quả của một sơ suất vô ý - cụ thể là sự đãng trí. Brower với tư cách là đại diện của phái đoàn thương mại ở Bombay có quyền sử dụng một chiếc ô tô, vào thời đó là một của hiếm. Theo lời của Griar, Henry lúc đó vui sướng như một đứa trẻ lái xe chạy khắp các phố phường nhỏ hẹp và thấy lũ gà què bay tán loạn còn đám phụ nữ quỳ sụp xuống cầu khẩn thánh thần che chở. Anh ta chạy xe khắp thành phố, lôi theo cả một đám đông những đứa trẻ rách rưới, chúng bám theo anh từng bước, nhưng luôn e ngại rút rè khi anh ta đề nghị chúng ngồi lên đi thử trên chiếc xe - điều kỳ diệu của kỹ thuật đó. Đó là một chiếc Ford-Sedan kiểu A, một trong những chiếc xe ô tô đầu tiên có thể khởi động không cần quay maniven mà chỉ cần ấn nút đề. Tôi muốn các bạn nhớ lấy điều này.

Một lần Brower đi tới một địa điểm ở đầu kia thành phố để thỏa thuận với một quan chức địa phương việc ký hợp đồng cung cấp một lô dây cáp đay. Như thường lệ, tiếng rú của động cơ và làn khói xả mù mịt không thua kém gì tiếng ầm ầm của các loạt đạn đại bác đã lôi kéo sự chú ý của tất cả mọi người, trước hết là lũ trẻ.

Brower được mời ăn trưa với ông vua dây cáp đay, những bữa tiệc như vậy diễn ra rất trang trọng vì phải tuân thủ rất nhiều nghi lễ. Thế là không lâu sau khi dọn món thứ hai - lúc đó quan khách đang ngồi ở hàng hiên tiền sảnh phía trên con phố đông đúc - thì ở phía dưới đường có tiếng lạch xạch quen thuộc rồi tiếng rú của động cơ kèm theo tiếng hò hét và tiếng huýt hoan hô. Một chú bé can đảm, con trai của một pháp sư địa phương nào đó, đã leo vào buồng lái, và tin rằng khi không có người da trắng ngồi sau tay lái, con rồng ầm trong đồng sắt này sẽ không nhảy ra ngoài. Và chuyện không hay đã xảy ra vì Brower quá chú ý vào cuộc thương thảo sắp tới đã quên ngắt khóa điện,

nên chỉ cần ấn nút đánh lửa là xe vọt đi.

Dễ dàng hình dung ra cảnh cậu bé muốn tỏ vẻ trước mắt các bạn cùng lứa, cảnh cậu sờ mó chiếc xe, quay vô lăng và chúm môi huýt sáo bắt chước tiếng còi hơi. Cứ mỗi lần cậu giẹo cọt con rồng ẩn trong xe là đám trẻ chắc chắn lại tỏ vẻ xúc động phấn khởi thành kính.

Có lẽ để khởi tuột người khỏi ghế xe, cậu bé đã tì một chân vào bàn đạp ly hợp, và ngay lúc đó cậu vô tình ấn vào nút đề. Động cơ vẫn còn nóng và khởi động tức thì. Sợ chết khiếp, chắc chắn cậu bé đã rút chân lại và chực nhảy ra khỏi buồng lái. Giá như đó là một chiếc xe cũ hoặc ở trong tình trạng bảo dưỡng tồi thì chắc là nó đã tự tắt máy. Nhưng Brower gìn giữ xe ở tình trạng tuyệt hảo và chiếc xe vọt tới trước, nhảy chồm chồm, rú rít gầm gừ. Brower vọt nhảy khỏi bàn và lao mình ra phố.

Cậu bé bị hại bởi một sự ngẫu nhiên tình cờ. Cậu đã vùng vẫy hết sức để thoát ra, khuỷu tay phải chạm vào van tiết lưu... hoặc đề lên nó trong cơn tuyệt vọng, vì đó là động tác mà người da trắng thường làm để con rồng mất sức mạnh của nó. Nhưng mọi chuyện lại hoàn toàn ngược lại, hỡi ôi. Chiếc ô tô tăng tốc đến mức chết người, lao xuống theo sườn thoải dốc của con phố đông đúc ồn ào, cán qua dây sọt và đè bẹp những chiếc lồng tre đan nhót gia cầm đem bán, chệt vỡ tan tành những chiếc xe kéo chở đầy hoa. Đến ngã tư nó bay lên vỉa hè, lao vào tường nhà và nổ tung, bốc cháy như một bó đuốc khổng lồ.

George chuyển chiếc tàu sang khóe miệng bên kia.

- Đây, đó là tất cả những gì Griar cho tôi biết từ lời Brower kể lại... Tất cả những gì nếu xem xét từ một đầu óc tỉnh táo. Còn lại là những lời mê sảng, bức xúc của anh ta về hậu quả của sự va chạm giữa hai nền văn hóa khác hẳn nhau. Trước khi Brower được gọi về rời khỏi Bombay, ông bố của cậu bé đã chết đến chỗ anh ta và ném một con gà bị cắt cổ vào cái người mà ông

ta cho là kẻ sát nhân. Và kèm theo đó là những lời nguyền. Kể đến chỗ này, Griar mỉm cười, muốn tôi hiểu rằng ông ta và tôi là những người không mang thiên kiến mê tín gì, rồi rút một hơi thuốc, nói thêm:

- Trong những sự việc như vậy chắc chắn sẽ có những lời nguyền. Những kẻ đa thần giáo khốn khổ ấy không thể nguyên rửa mà thiếu những động tác ma mị đồng bóng. Bằng cách như vậy họ mới kiếm được miếng ăn cho bản thân.

- Thế lời nguyền như thế nào?

- Chẳng nhẽ ông không đoán ra? - Griar ngạc nhiên – Người Ấn Độ đó nói với anh ta: “Kẻ nào dùng phép thuật để hại trẻ con, kẻ đó sẽ trở thành một kẻ khốn khổ bị xua đuổi”. Ông ta nói: “Tất cả mọi sinh vật mà mày chạm tay vào sẽ chết ngay tức khắc. Từ nay và mãi mãi”. Lạy Chúa!

Griar cười khẩy.

- Thế còn Brower? Anh ta tin vào lời nguyền đó chứ?

- Có vẻ thế. Đừng quên rằng chuyện đó đã gây cho anh ta cú sốc khủng khiếp. Và suy theo câu chuyện mà tôi nghe ông kể lại, sức mạnh ma thuật đó với anh ta ngày càng tăng.

- Tôi hỏi địa chỉ nhà Brower, - George tiếp tục. - Griar lục giấy tờ và cuối cùng cũng tìm thấy địa chỉ tôi cần.

- Tôi không dám chắc là ông tìm thấy anh ta ở đó, - ông ta nói. - Brower, như ông biết đấy, không ai dễ cho anh ta thuê nhà, bởi vì tiền nong của anh ta cũng không dư dật lắm.

- Lời nói đó như roi quất vào tôi, - George thú nhận, - nhưng tôi vẫn lặng im. Có cái gì đó trong con người Griar mang vẻ tự mãn, kiêu ngạo một cách có vẻ quá đáng, vì chính ông ta cũng chỉ nắm được rất ít thông tin về Henry Brower... Tôi đứng dậy và bất chợt vô tình thốt ra:

- Tối quá tôi đã tận mắt thấy Brower tóm chân một con chó hoang gầy gơ

xương. Sau mười lăm phút nó đã chết.

- Thật thế ư? Hay thật. - Griar ngạc nhiên, nhưn mây dường như điều vừa nói không có liên quan gì đến chủ đề của câu chuyện.

- Tôi đi ra phía cửa, - George tiếp tục kể, - nhưng trước đó cánh cửa đã mở và trên ngưỡng cửa cô thư ký của Griar xuất hiện.

- Xin lỗi, ông là ông Gregson?

- Vâng.

- Ông Baker vừa mới gọi điện. Ông ta yêu cầu nói với ông ngay lập tức đến địa chỉ nhà số 23, phố 19.

- Tôi rùng mình, - George thú nhận với chúng tôi, - vừa mới đây, lúc sáng tôi đã rẽ qua đây, nhưng Davidson vẫn còn ngủ. Tôi đi ra phía cửa, còn Griar hết sức bình thản ngồi chăm chú đọc tờ Wall Street, miệng bập bập tẩu thuốc. Sau này tôi không gặp lại ông ta nữa, và các bạn biết không, tôi cũng không tiếc vì việc đó. Tôi rời khỏi đó với một linh cảm mơ hồ về một điều gì đó rất đáng sợ, cái điều chưa rõ nét, một nỗi sợ có thực liên quan tới một việc cụ thể, - một việc thật khủng khiếp, thật khó tưởng tượng mà ta không thể lường được theo cách suy nghĩ thông thường.

Ngay lúc đó tôi cắt ngang lời ông kể.

- Hãy làm ơn, George, chẳng lẽ ông muốn nói là anh bạn của ông, anh Davidson đã chết?

- Đúng như vậy, - có ngay câu trả lời. - Tôi đến đó cùng một lúc với viên dự thẩm, đang xác nhận trường hợp tử vong do tắc mạch não. Chỉ còn 16 ngày nữa là Davidson tròn 23 tuổi.

Suốt tuần tôi cố gắng thuyết phục bản thân là chuyện này chẳng qua là một sự trùng hợp tai hại và tốt hơn là nên quên nó đi. Tôi khổ sở vì mất ngủ, thậm chí người bạn tốt của tôi, Cutty Sark, bác sĩ, cũng bất lực không giúp gì được tôi. Tôi nói với bản thân mình: phải chia số tiền thắng bạc cho ba

người chơi còn lại hôm đó và quên đi rằng Henry Brower đã có lúc nào đó xen vào cuộc đời chúng tôi. Chuyện đó bất thành. Tôi viết một tấm séc với số tiền đúng như trên và gửi tới địa chỉ mà Griar cho tôi - đến khu Harlem. Brower không còn sống ở đó nữa. Người ta cho tôi một địa chỉ khác ở East Side, một khu có lẽ là không sang trọng nhưng cũng đủ tiện nghi. Nhưng sau mới rõ là anh ta cũng đã rời khỏi đây chừng một tháng trước cuộc gặp gỡ trên ván bài poker với chúng tôi, và đã chuyển đến East Village, một khu ổ chuột.

Người chủ nhà cho thuê, một gã đàn ông xương xẩu với một con chó đen to tướng gầm gừ đe dọa dưới chân, thông báo với tôi rằng Brower đã chia tay với ông ta vào ngày mùng ba tháng ba, ngay ngày hôm sau ván bài của chúng tôi. Tôi hỏi địa chỉ mới, người chủ nhà cho thuê ngửa đầu ra phía sau và tuôn ra một tràng tiếng òng ọc tựa như đang súc họng:

- Quý ông ạ, những người khi ra khỏi đây, chỉ có một địa chỉ: nhà mồ, hòm thư lưu. Thực ra đôi khi trên đường tới đây họ dừng lại ở Bowery.

Vào thời đó Bowery mà sau này qua năm tháng đã biến thành một vùng ngoại ô, một nơi gì đó mà ngày nay rất khó mà tưởng tượng ra: nơi cư ngụ của những kẻ vô gia cư, nơi trú chân cuối cùng của những kẻ bất hạnh đã mất đi hình hài con người, luôn mơ đến một chai rượu vang rẻ tiền và mùi thơm của chiếc bánh mì bột trắng để quên đi thực tại. Nơi đó có vài chục quán trọ đêm, một vài căn nhà tình thương để cho bất kỳ một kẻ lang thang nào trú ngụ qua đêm và rất nhiều những con ngõ nhỏ chật chội thích hợp cho việc có thể trải ngay một tấm đệm đầy rận lên vỉa hè. Tôi đã nhìn thấy những con người, đúng hơn là những bóng ma kiệt quệ vì rượu và ma túy. Ở đây không ai dùng tên thật. Tên để mà làm gì đối với những kẻ đã trượt xuống tận đáy, gan bị ăn rỗng bởi cơn công nghiệp, mũi sưng phồng vì côcain, ngón tay ngón chân lạnh cóng, thay cho hàm răng chỉ còn lại những

lỗ đen. Tôi mô tả Henry Brower cho từng người tôi gặp nhưng không thu được kết quả gì. Những người chủ quán bia chỉ nhún vai. Rất nhiều người qua đây thậm chí không buồn ngẩng đầu.

Ngày đầu tiên tôi không tìm được anh ta, rồi ngày thứ hai, thứ ba. Vào cuối tuần thứ hai một người thú nhận là mấy ngày trước đây ở quán trọ Dewari anh ta đã nhìn thấy một người đàn ông có bề ngoài như thế.

“Quán trọ” chỉ cách đây hai dãy phố. Sau quầy tiếp tân là một ông già cổ hủ với chiếc sọ nhẵn bóng không còn một sợi tóc và cặp mắt kèm nhèm. Trên kính cánh cửa sổ đầy ruồi bâu có dán một tờ thông báo: “ Ngủ một đêm - 10 cent”. Tôi bắt đầu mô tả Brower, ông già lặng lẽ gật đầu. Khi tôi dứt lời ông nói:

- Tôi biết anh ta, anh bạn trẻ ạ. Biết đấy. Có cái là đầu óc tôi dạo này kém lắm... Nếu anh ta không tiếc một đôla thì có thể tôi nhớ ra đấy.

Tôi đặt một tờ đôla lên bàn và nó biến ngay như có phép thần. Đây là một nhà ảo thuật các bạn ạ!

- Anh ta có trọ ở chỗ chúng tôi đây, anh bạn trẻ ạ, nhưng sau đó lại đi rồi.

- Đi đâu, ông biết chứ?

- Ngay lập tức làm sao nhớ ra được. Anh đừng có tiếc một đôla nữa đi.

Tờ bạc thứ hai cũng biến mất một cách thần kỳ như thế. Ông già đột nhiên vui hẳn lên, và từ trong ngực ông ta vọt ra... không, không phải là tiếng cười mà giống như tiếng ho của người bị lao.

- Thôi được, - tôi nói, - ông đã cười thỏa thích rồi, và vì chuyện đó tôi đã trả thêm cho ông rồi. Và bây giờ tôi muốn biết anh chàng đó đã chuyển đi đâu.

Ông già lại ho lên vui vẻ.

- Còn đi đâu được nữa, đến năm sau hàng rào khu đất Potters, anh ta đã nhận được một chỗ lâu dài ở đấy, làm bạn với lũ quỷ! Sao anh không cười, anh bạn trẻ? Sáng hôm qua, tôi nghĩ là anh ta bị công lạnh vì ban ngày hôm

trước lúc tôi tìm thấy anh ta, người anh ta vẫn còn âm ỉ. Anh ta ngồi thẳng đuột như tượng. Tôi lên chỗ anh ta làm gì à? Để nói rằng hãy nộp 10 cent ra đây, hay là... nghỉ cho khỏe. Đúng là bây giờ thì anh ta đã nghỉ bằng tiền nhà nước hằn hoi dưới ba thước đất rồi. - Câu đùa tự nói ra đó lại đem đến cho ông già một cơn ho vui vẻ của người già.

- Ông có nhận thấy điều gì lạ không? - tôi hỏi mà không dám thú nhận với mình rằng đã đặt rất nhiều hy vọng vào câu hỏi đó. - Một điều gì đó không được bình thường cho lắm?

- Có điều gì đó như thế đấy, nhưng ngay lập tức thì không... - Tôi đặt lên mặt quầy một đòla để gọi trí nhớ của ông già. Tờ bạc lần này cũng biến nhanh đáng kinh ngạc, nhưng sau đó không thấy cái điệu cười kiêu ho hen như trước nữa.

- Nhận thấy quá đi chứ, - ông già linh hoạt hẳn lên. - Ai luôn phải gọi xe chở xác nào? Vì thế tôi rất thông thạo về những người chết. Tôi đã nhìn thấy họ, lay Chúa tha tội cho con, ở khắp mọi nơi! Nào lũng lảng trên khung cửa, nào nằm trong giường, nào vắt mình trên thang chữa cháy, trong trời băng tuyết, mặt mũi xanh nhợt như đất nhái, chai rượu còn kẹt giữa hai đầu gối. Còn có một người khoảng ba mươi năm trước đã ngộp nước mà chết trong bồn tắm chỗ chúng tôi. Nhưng anh chàng này,... hẳn ngồi dưới gầm cầu thang xoáy tròn ốc, chính tề trong bộ com lê - đầu chải mượt, ngực ưỡn ra như thể một nhân vật quan trọng ở khu người giàu ấy. Và tay trái nắm chặt lấy cổ tay phải. Phải, tôi đã nhìn thấy đủ loại người chết, nhưng kiểu này thì chưa; một người chết tự bắt tay mình!

Tôi đi bộ ra bên tàu và suốt dọc đường, như lời của một chiếc đĩa hát hỏng, câu nói cuối cùng của ông già cứ ám ảnh tôi. Một người chết tự bắt tay mình!

Tôi đi đến tận mép nước nơi làn nước xám bắn thủi vào những cọc sắt

hoen rỉ, ở đó tôi lấy tờ séc một nghìn đô la trong túi ra xé thành từng mảnh nhỏ rồi ném xuống nước.

George Gregson đổi tư thế và hắng giọng ho. Những hòn than lập lòe lụi tàn trong lò sưởi, căn phòng chơi bài rộng rãi ngày càng thấm hơi lạnh. Bàn ghế dường như mất vẻ hiện hữu, bông bành như bóng ma, như thể trong một giấc mơ nơi mà ranh giới hiện tại và quá khứ bị xóa nhòa. Những lưỡi lửa yếu ớt hắt ánh sáng màu da cam vàng vọt lên hàng chữ khắc trên thành lò sưởi: Bí mật ở trong chính câu chuyện chứ không phải ở người kể.

- Tôi gặp người đó có một lần, - George lại cất tiếng, - mà giờ đây anh ta lại vẫn như hiển hiện trước mắt tôi. Cũng phải nói rằng, chuyện này giúp tôi quên nỗi đau của mình: người nào có thể sống giữa mọi người mà không e ngại, người đó sẽ không còn cô đơn nữa... Stevens, anh mang áo bành tô cho tôi chưa? Tôi phải lê về nhà đây, đã đến lúc tôi phải đi nằm rồi.

Khi Stevens mang áo bành tô đến, mắt George lại chú ý đến cái nốt ruồi trên mặt người quản gia phía bên trái khóe miệng. Ông mỉm cười:

- Dù sao ông cháu nhà anh cũng giống nhau quá đi mất. Ông nội anh cũng có một cái nốt ruồi đúng như thế, ở đúng chỗ đó.

Stevens lặng thinh mỉm cười đáp lại. George bước ra khỏi phòng và chúng tôi cũng nhanh chóng giải tán.

Hiếu Trang dịch từ bản tiếng Nga

Sưu tầm: ABCD

Nguồn: Evan.com

Được bạn: Ct.Ly đưa lên

vào ngày: 16 tháng 1 năm 2006